

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 44/2021/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 003/2022/ĐKSP

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC

COLOSCARE 1+

Năm 2022

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 01 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 003/2022/ĐKSP

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Sản phẩm dinh dưỡng công thức Coloscare 1+**

do Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Quyết định số 38/QĐ-BYT Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./. *an*

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Vinh Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 44/2021/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Coloscare 1+

2. Thành phần: Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Beta-Glucan 1,3/1,6, DHA, Lợi khuẩn (Bifidobacterium BB12 & Lactobacillus acidophilus LA5), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Lưu ý: Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:



(Ký tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG
NUTRICARE**

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức

THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITIONAL INFORMATION				
Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100g	Trong 210 ml pha chuẩn Per serving	
Năng lượng/Energy	kcal	442	177	
Chất đạm/Protein	g	15.9	6.36	
IgG	mg	1212	485	
Sữa non/Colostrum	mg	7500	3000	
Lactoferrin	mg	22.1	8.84	
Chất béo/Fat	g	15.0	6.00	
LA (Linoleic acid)	mg	1328	531	
ALA (Alpha linolenic acid)	mg	162	65.0	
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	25.0	10.0	
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	6.2	25.1	
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	28.3	113	
Prebiotics (FOS/Inulin)				
HMO (Fucosyllactose (2'-FL))	mg	190	76.0	
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	46.1	18.4	
Taurine/Taurine	mg	32.2	12.9	
Choline/Choline	mg	14.7	5.88	
Lysine/Lysine	mg	281	112	
Lợi khuẩn/Probiotics*	CFU	6.37x10 ⁸	2.54 x10 ⁸	
Vitamin/Vitamins				
Vitamin A	IU	1359	544	
Vitamin D3	IU	184	73.6	
Vitamin E	IU	5.11	2.04	
Vitamin K1	µg	20.1	8.04	
Vitamin C	mg	53.0	21.2	
Vitamin B1	µg	363	145	
Vitamin B2	µg	875	350	
Niacin	µg	5221	2088	
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	1427	571	
Vitamin B6	µg	602	241	
Acid folic/Folic acid	µg	110	44.0	
Vitamin B12	µg	1.92	0.77	
Biotin	µg	14.1	5.65	
Khoáng/Minerals				
Natri/Sodium	mg	151	60.2	
Kali/Potassium	mg	363	145	
Clor/Chloride	mg	301	120	
Canxi/Calcium	mg	465	186	
Phot pho/Phosphorus	mg	321	128	
Ty b Canxi/Phot pho	mg	145	145	
Magiê/Magnesium	mg	79.5	31.8	
Sắt/Iron	mg	5.85	2.34	
Kẽm/Zinc	mg	5.93	2.37	
Mangan/Manganese	µg	353	141	
Đồng/Copper	µg	115	45.8	
I-ốt/Iodine	µg	76.5	30.6	
Selen/Selenium	µg	22.3	8.90	
Crom/Chromium	µg	4.28	1.71	
Molybden/Molybdenum	µg	4.90	1.96	

* Giá trị thời điểm đóng gói.
Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Beta-Glucan 1,3/1,6, DHA, Lợi khuẩn (*Bifidobacterium BB12* & *Lactobacillus acidophilus* L5), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm. Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành.

Milk powder, Maltodextrin, Sucrose, Vegetable fat, Colostrum, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinon, Sodium L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Beta-Glucan 1,3/1,6, DHA, Probiotics (*Bifidobacterium* BB12 & *Lactobacillus acidophilus* L5), Synthetic vanilla flavor. Product contains Milk, Soy protein.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/HOW TO PREPARE

-  Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 -  Đun các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi trong 2 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
 -  Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
 -  Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 40 g (4 muỗng gạt) **ColosCare 1+** vào./Pour 180 ml of warm water into the utensils, then add 40 g (4 scoops) of **ColosCare 1+**.
 -  Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml dung dịch **ColosCare 1+**. Thử độ nóng và cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml **ColosCare 1+**. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using **ColosCare 1+** reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

Nên dùng 2 ly/ngày./Use 2 servings per day.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.



IgG
TỪ
USA



SỮA
NON

TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH, DHA PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO



DHA



1+

SẢN PHẨM
DINH DƯỠNG CÔNG THỨC
Từ 1 - 2 tuổi

Product of
NUTRICARE

Khối lượng tịnh
400 g

Sữa non từ USA
Bột sữa từ New Zealand



SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC COLOSCARE 1+

ColosCare 1+ cung cấp đầy đủ dinh dưỡng theo **khuyến nghị của Bộ Y tế** (**).

"Môi trường sống không an toàn luôn tiềm ẩn các tác nhân gây bệnh cho trẻ, đặc biệt là trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - những đối tượng hệ miễn dịch còn non yếu. Bên cạnh đó, đường hô hấp và đường tiêu hóa là những con đường chính mà vi khuẩn và vi-rút xâm nhập vào cơ thể trẻ. Vì vậy, nâng cao sức đề kháng chung, tăng cường miễn dịch đường hô hấp và đường tiêu hóa là yếu tố quan trọng giúp trẻ khỏe mạnh."

ColosCare 1+ với các đường chất đặc biệt đã được chứng minh giúp tăng cường sức khỏe hệ miễn dịch của trẻ một cách tự nhiên, an toàn và hiệu quả."

Sữa non Colostrum hoạt tính sinh học cao với hàm lượng kháng thể **IgG 1200+** cao vượt trội(***) giúp tăng cường sức đề kháng tự nhiên cho trẻ.

SỮA
NON

Colostrum
IgG
1200+

Bộ ba đường chất **HMO**, **Lactoferrin** & **Beta-Glucan** giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập vi khuẩn và vi-rút gây bệnh, cải thiện sức khỏe đường hô hấp, tiêu hóa.

DHA

2'-FL
HMO
Prebiotics + Probiotics

Bộ đôi **chất xơ** kết hợp **lợi khuẩn** giúp hỗ trợ sức khỏe đường ruột và hệ tiêu hóa cũng các đường chất quan trọng đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho sự phát triển của trẻ.(**)

CÔNG DỤNG/FEATURES: **ColosCare 1+** dùng để thay thế bữa ăn phụ, bổ sung các vi chất dinh dưỡng, DHA và kháng thể tự nhiên từ sữa non phù hợp sinh lý lứa tuổi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh./**ColosCare 1+** replace snacks, supplement micronutrients, DHA and natural antibodies from colostrum, suitable for physiological ages helps children develop healthily.

(**) Theo QCVN 11-3:2012/BYT.

(***) So với Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ từ 1 - 2 tuổi Hanie Kid 1+.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Lô VII/2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018,

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

Số TNDKSP:
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (miễn phí cuộc gọi đến)
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 44/2021/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, liên kề 2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức Coloscare 1+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Maltodextrin, Sucrose, Béo thực vật, Sữa non, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Beta-Glucan 1,3/1,6, DHA, Lợi khuẩn (Bifidobacterium BB12 & Lactobacillus acidophilus LA5), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

4.1. Các chỉ tiêu dinh dưỡng theo QCVN 11-3:2012/BYT

Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy chuẩn	
		Tối thiểu	Tối đa
1.Năng lượng			
Năng lượng	kcal/100ml	60	85
2.Thành phần dinh dưỡng			



Protein	g/100kcal	3	5.5
Chất béo	g/100kcal	3	6
Hàm lượng Acid Linolenic	mg/100kcal	300	-
vitamin A	mcg/100kcal	75	225
vitamin D	mcg/100kcal	1	3
vitamin E	mg/100kcal	0.63	-
Vitamin K1	mcg/100kcal	4	-
Vitamin B1(Thiamin)	mcg/100kcal	40	-
Vitamin B2 (Riboflavin)	mcg/100kcal	60	-
Niacin	mcg/100kcal	250	-
vitamin B6	mcg/100kcal	45	-
Vitamin B12	mcg/100kcal	0.15	-
Acid pantothenic	mcg/100kcal	300	-
Acid Folic	mcg/100kcal	4	-
Vitamin C	mg/100kcal	8	-
Vitamin H (biotin)	mcg/100kcal	1.5	-
Sắt	mg/100kcal	1	2
Canxi	mg/100kcal	90	-
Phospho	mg/100kcal	60	-
Tỷ lệ Calci/phospho		1:1	2:1
Magie	mg/100kcal	6	-
Natri	mg/100kcal	20	-
Clorid	mg/100kcal	55	-
Kali	mg/100kcal	80	-
Iod	mcg/100kcal	5	-
Kẽm	mg/100kcal	0.5	-

4.1. Các chỉ tiêu dinh dưỡng khác

Thành phần/ <i>Components</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Mức tối thiểu trong 100 g
IgG	mg	970
Sữa non/ <i>Colostrum</i>	mg	6000
Lactoferrin	mg	17.7
ALA (<i>Alpha linolenic acid</i>)	mg	130
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	20.0
Carbohydrate tổng/<i>Total Carbohydrate</i>	g	50.2
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i>) <i>Prebiotics (FOS/Inulin)</i>	g	2.26
HMO (Fucosyllactose (2'-FL))	mg	152
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	36.9
Taurin/ <i>Taurine</i>	mg	25.8
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	11.8
Lysin/ <i>Lysine</i>	mg	225
Lợi khuẩn/ <i>Probiotics*</i>	CFU	5.10x10 ⁸

Khoáng/Minerals		
Mangan/Manganese	µg	282
Đồng/Copper	µg	92.0
Selen/Selenium	µg	17.8
Crôm/Chromium	µg	3.42
Molypden/Molybdenum	µg	3.92

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin: (Tuân theo Quyết định số 38/2008/QĐ – BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Lượng khuyến nghị và đối tượng sử dụng

Trẻ từ 1 – 2 tuổi nên dùng 2 ly/ngày.

7. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 - 2) Đun các dụng cụ, cốc và nắp trong nước sôi trong 2 phút.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha.
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 40 g (4 muỗng gạt) ColosCare 1+ vào.
 - 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml dung dịch ColosCare 1+. Thử độ nóng và cho bé dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

8. Công dụng

ColosCare 1+ dùng để thay thế bữa ăn phụ, bổ sung các vi chất dinh dưỡng, DHA và kháng thể tự nhiên từ sữa non phù hợp sinh lý lứa tuổi, giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.

9. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

10. Hạn sử dụng:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX và HSD được in trên bao bì.

11. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách: Lon tráng thiếc, nắp thấp, khối lượng 400 g, 850 g, 900 g. Đóng gói đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Đóng gói quy cách khác khi có nhu cầu phát sinh.

12. Các biện pháp phân biệt thật giả:



Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

13. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Sản xuất tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh